

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **45/2020/HS-ST**

Ngày: 18-8-2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Đạt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Trọng-Giáo viên hưu trí  
Ông Nguyễn Văn Hà-Cán bộ hưu trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

Võ Thị Hồng A (Mi), sinh ngày 17/11/2002 tại Bà Rịa-Vũng Tàu;  
HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không;

Cha: Võ Văn S, sinh năm 1982, mẹ Võ Thị B, sinh năm 1980;

Bị cáo là con đầu trong gia đình có 04 chị em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm di khỏi nơi cư trú từ ngày 21-5-2020. **(có mặt)**

***Người giám hộ cho bị cáo A:*** Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1946; địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. **(vắng mặt)**

***Người bào chữa cho bị cáo A:*** Bà Hồ Thị H1-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. **(có mặt)**

**2.** Võ Thị B (Bé chị), sinh năm 1980;

HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Công nhân;

Cha: Võ Văn C, sinh năm 1938, mẹ Trần Thị Hồng H, sinh năm 1946;

Bị cáo là con thứ 07 trong gia đình có 08 anh, em.

Chồng: Võ Văn S, sinh năm 1982

Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01: Ngày 10/10/2018 bị UBND xã 2 áp dụng giáo dục tại địa phương thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 10/01/2019.

Bị áp dụng biện pháp cấm di khỏi nơi cư trú từ ngày 21-5-2020. (có mặt)

### 3. Bị hại:

-Bà Thạch Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ 11, ấp 2, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

-Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ 11, ấp 2, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Thanh L1, sinh năm 1973; địa chỉ: 485 Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Hồng A sống cùng bà nội của mình là bà Bạch Thị Năm. Khoảng 15 giờ ngày 07/4/2020 thấy bà N không có ở nhà nên A đã lén lút trộm 600.000 đồng của bà N để trên bàn thờ. Trộm xong A thấy nhà con dâu bà N là bà Nguyễn Thị L cũng không có người ở nhà nên A đi bộ qua mở chốt cửa sau vào nhà lục tìm tài sản; tại phòng ngủ của bà L A tìm được 01 cái bóp (Ví) bên trong có 03 nhẫn vàng, 01 lắc tay bằng vàng và 02 sợi dây chuyền bằng vàng, A lấy trộm 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay, số tài sản còn lại A để lại vị trí cũ cho bà L. Trộm xong A về lại nhà bà N, lấy điện thoại gọi cho mẹ A là bà Võ Thị B đến đón A.

Khoảng 16 giờ cùng ngày bà B điều khiển xe mô tô hiệu Rooney màu xanh, biển kiểm soát 72L2-1184 đến đón A. Trên đường đi A kể cho bà B biết việc A trộm cắp tài sản của bà N và bà L. Do bà B đang thiếu nợ nên nói A cho mượn số tài sản trộm cắp để trả nợ và được A đồng ý.

Ngày 08/4/2020, bà B đem 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng đến cầm cho bà Ngô Thị Thanh L1 tại tiệm cầm đồ Kim Hoàng Kha được số tiền 5.300.000 đồng rồi đem đi trả nợ hết; số tiền 600.000 đồng B đã chi tiêu trong gia đình.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà N và bà L đã đến Công an trình báo sự việc.

**Tang vật thu giữ, gồm:**

02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng, nhưng ngày 12/5/2020 đã lập thủ tục giao trả cho chủ sở hữu;

01 xe mô tô hiệu Rooney màu xanh, biển kiểm soát 72L2-1184, xác định là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị B, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên ngày 15/5/2020 đã lập thủ tục giao trả xe cho bà B.

**Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 21/HĐĐG ngày 04/5/2020 kết luận:**

02 nhẫn vàng trơn 24k-loại vàng 98%, đường kính trong 1,5cm, có trọng lượng 0,5 chỉ/chiếc, trị giá 4.300.000 đồng;

01 lắc tay bằng vàng 18k, có hình o van lồng ghép vào nhau, chiều dài 15,3cm, trọng lượng 7,8 phân, trị giá 1.989.000 đồng.

**Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với bà L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại;

Đối với bà N không yêu cầu bồi thường đối với số tiền 600.000 đồng

Đối với bà Ngô Thị Thanh L1 không biết các tài sản bị cáo B đem đến cầm là tài sản trộm cắp, bị cáo B đã trả lại số tiền cầm tài sản cho bà L1 nay bà L1 không yêu cầu bồi thường gì khác.

**Bị cáo A và bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.**

**Bị hại bà Thạch Thị N trình bày:** Ngày 08/4/2020 bà có đến Công an trình báo về việc bị mất tài sản là số tiền 600.000 đồng để trên bàn thờ; nay Công an đã xác định được người lấy và tiêu thụ là bị cáo A và bị cáo B. Bị cáo A là cháu nội của bà, còn bị cáo B là con dâu của bà, nay số tiền các bị cáo đã tiêu xài hết nên bà không yêu cầu các bị cáo phải trả lại. Bà N đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

**Bị hại Nguyễn Thị L trình bày:** Ngày 08/4/2020 bà có đến Công an trình báo về việc bị mất tài sản là 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng mà bà cất trong bóp để trong tủ ở phòng ngủ; nay Công an đã xác định được người lấy và tiêu thụ là bị cáo A và bị cáo B. Bà L đã được Công an giao trả lại các tài sản bị mất rộm nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Bà L đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh L1 trình bày:** Ngày 08/4/2020 bà có nhận cầm cố 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng do bị cáo B

mang tới cầm với số tiền 5.300.000 đồng; sau khi biết bị cáo B tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bà đã giao 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng cho Công an xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 29/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đã truy tố Võ Thị Hồng A về tội “Trộm cắp tài sản ” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS và truy tố Võ Thị B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

**Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện VKSND huyện Đất Đỏ giữ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:**

**Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Võ Thị Hồng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Võ Thị B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

**Về hình phạt:**

**Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 65, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 98 BLHS** xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng A từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 đến 16 tháng.

**Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 17 BLHS** xử phạt bị cáo Võ Thị B từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

**Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:** Đã xử lý xong nên không đề cập.

**Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại và người liên quan không yêu cầu nên không đề cập.

Người bào chữa cho bị cáo A tranh luận cho rằng bị cáo A khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức chưa đầy đủ, cha bị cáo đang đi chấp hành hình phạt tù, bị cáo phải nghỉ học sớm, nhà đông em, mẹ bị cáo mãi làm lo cái ăn cái mặc nên có phần thiếu quan tâm, uồn nấn đề nghị HĐXX chấp nhận tội danh, điều luật do Kiểm sát viên đề nghị, cho bị cáo A được hưởng án treo.

-Các bị cáo không ai có khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định trong quá trình điều tra, truy tố, khởi tố, xét xử, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản tự khai, biên bản ghi lời khai, kết luận điều tra và cáo trạng đã nêu; Các bị cáo không ai tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, khi nói lời sau cùng các bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện Đất Đỏ; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ khởi tố vụ án đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền.

[2] *Về chủ thể hiện hành vi phạm tội*: Căn cứ vào Danh chỉ bản, trích lục tiền án, tiền sự và Lý lịch các bị cáo có tại hồ sơ vụ án, Công an huyện Đất Đỏ, VKSND huyện Đất Đỏ khởi tố, truy tố đối với Võ Thị Hồng A (Mi), sinh năm 2002, có cha là Võ Văn S, mẹ là Võ Thị B và Võ Thị B (Bé chị), sinh năm 1980, có cha là Võ Văn C, mẹ là Trần Thị Hồng H, chồng là Võ Văn S là đúng đối tượng.

[3] *Về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo*:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng trong vụ án và kết quả giám định, xác định:

Khoảng 15 giờ ngày 07/4/2020 thấy bà N không có ở nhà nên A đã lén lút trộm 600.000 đồng của bà N để trên bàn thờ. Trộm xong A qua nhà bà Nguyễn Thị L là thím của A để lấy số tiền 2.000.000 đồng và 02 nhẫn vàng A gửi bà N và bà N gửi bà L cất giữ, nhưng bà L cũng không có người ở nhà nên A mở chốt cửa sau vào nhà lục tìm tài sản; tại phòng ngủ của bà L A tìm được 01 ba lô ở trong tủ quần áo và thấy 01 cái bóp (Ví) bên trong có 03 nhẫn vàng, 01 lắc tay bằng vàng và 02 sợi dây chuyền bằng vàng, A lấy trộm 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay, số tài sản còn lại A để lại vị trí cũ cho bà L. Trộm xong A về lại nhà bà N, lấy điện thoại gọi cho mẹ A là bà Võ Thị B đến đón A.

Khoảng 16 giờ cùng ngày bà B điều khiển xe mô tô hiệu Rooney màu xanh, biển kiểm soát 72L2-1184 đến đón A. Trên đường đi A kể cho bà B biết việc A trộm cắp tài sản của bà N và bà L. Do bà B đang thiếu nợ nên nói A cho mượn số tài sản trộm cắp để trả nợ và được A đồng ý.

Ngày 08/4/2020, bị cáo B đem 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng đến cầm cho bà Ngô Thị Thanh L1 tại tiệm cầm đồ Kim Hoàng Kha được số tiền 5.300.000 đồng.

Do đó đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 29-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố các bị cáo Võ Thị Hồng A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và truy tố bị cáo Võ Thị B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

*[5] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo A tuy chưa đủ tuổi trưởng thành, nhưng đã học đến lớp 9 nên có đủ nhận thức để nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và nghiêm trị nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Bị cáo B là người trưởng thành, đã được học đến lớp 6, có công việc và thu nhập ổn định, là người vợ và người mẹ của 04 người con, lẽ ra khi biết bị cáo A là con mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của mẹ chồng và chị của mình, bị cáo cần tìm cách khuyên can và trả lại tài sản cho người thân của mình, tuy nhiên bị cáo không làm vậy mà dùng tài sản do con mình trộm cắp được cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân.

Hành vi nhằm sơ hở của người dân, lén lút trộm cắp tài và dùng tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài là kích thích lòng tham và lối sống lười lao động cho người khác, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi do lỗi cố ý của mình gây ra.

Vì vậy cần có hình phạt tù tương xứng đối với từng bị cáo nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục, học tập và phấn đấu để trở thành người tốt hơn, biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

*[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

*[6.1] Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ:* Các bị cáo là mẹ con với nhau; tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu nên chưa gây thiệt hại; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có địa chỉ cư trú rõ ràng; các bị cáo đều có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo;

Bị cáo A (sinh ngày 17/11/2002) khi phạm tội cũng như khi xét xử bị cáo là người chưa thành niên, nên có hạn chế nhất định trong nhận thức và điều khiển hành vi; do đó để giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở



thành công dân có ích cho xã hội cần xem xét cho bị cáo A được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 91 BLHS;

Bị cáo B chồng hiện đang đi thi hành án nên bị cáo là trụ cột trong gia đình có 04 người con đang độ tuổi ăn học, trong thời gian tại ngoại đã chấp hành tốt chính sách pháp luật, đã chuộc trả lại tài sản cho bị hại; do đó cần xem xét cho bị cáo B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

#### [7] Về hình phạt:

Xét bị cáo A là người chưa thành niên phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo còn trẻ, có khả năng tự cải tạo được, nếu không cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây nguy hiểm cho cộng đồng, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. HĐXX căn cứ Điều 90, Điều 98, Điều 101, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, giáo dục dưới sự theo dõi, giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng có thể đạt được mục đích của hình phạt, đồng thời thể hiện rõ chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, thiết nghĩ nếu không cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây nguy hiểm cho cộng đồng, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo và tính khoan hồng của pháp luật; HĐXX áp dụng, khoản 3 Điều 54, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo.

#### [8.1] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với: 02 nhẫn vàng trơn 24k-loại vàng 98%, đường kính trong 1,5cm, có trọng lượng 0,5 chỉ/chiếc và 01 lắc tay bằng vàng 18k, có hình o van lồng ghép vào nhau, chiều dài 15,3cm, trọng lượng 7,8 phân; quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị L, ngày 12/5/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ đã giao trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS và Điều 48 BLHS.

[8.2] Đối với: 01 xe mô tô hiệu Rooney màu xanh, biển kiểm soát 72L2-1184; quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Võ Thị B, bị cáo B không sử dụng xe này vào việc phạm tội, ngày 15/5/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện

Đất Đỏ đã giao trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS và Điều 48 BLHS.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại và người liên quan không có yêu cầu nên không xem xét.

[10] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định khoản 6 Điều 91 BLHS, bị cáo A là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung; bị cáo B tuy có nghề nghiệp, công việc ổn định nhưng thuộc thành phần đông con, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] *Về các vấn đề khác*: Đối với bà Ngô Thị Thanh L1: Ngày 08/4/2020 bà có nhận cầm cố 02 nhẫn vàng và 01 lắc tay bằng vàng do bị cáo B mang tới với số tiền 5.300.000 đồng. Sau khi biết tài sản cầm cố là do bị cáo B sử dụng tài sản do người khác phạm tội mà có nên bà L1 đã giao các tài sản này cho Công an xử lý; bà L1 đã được bị cáo B trả lại số tiền 5.300.000 đồng và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên chỉ đưa bà L1 vào gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[12] *Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát*: Xét thấy về điều luật, tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung nên HĐXX ghi nhận. Riêng đối với bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở mục 6.2 và 7, HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên.

[13] *Về án phí*: Các bị cáo phạm tội và bị kết án, không thuộc trường hợp miễn, giảm nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và VKSND được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

**Căn cứ vào:** Các Điều 268, 269, 298, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Hồng A (Mi) phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”;

Tuyên bố bị cáo Võ Thị B (Bé chị) phạm tội “**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**”.



## 2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, **Điều 90**, Điều 91, Điều 98, Điều 101, khoản 3 Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều **65** của Bộ Luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng A (Mi) 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 50, khoản 3 Điều 54, Điều 58 và khoản 1, 2, 5 Điều **65** Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị B (Bé chị) 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Giao bị cáo Võ Thị Hồng A và bị cáo Võ Thị B cho Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

**Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.**

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, **các** bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 18-8-2020**); người đại diện hợp pháp của **bị cáo A** không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Võ Thị Hồng A và bị cáo Võ Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Hồng H có nghĩa vụ nộp thay án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Võ Thị Hồng A.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự 2008;

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- CA huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã 2, H.Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Đạt**